

Tuần 22(01/02- 06/02/2021)

Tiết 85 – 88

Tiết 85

ĐI ĐƯỜNG

(Hồ Chí Minh)

I. Đọc và tìm hiểu chú thích:

1. Tác giả

Sgk/37

2. Tác phẩm:

- Bài thơ được trích từ tập NKTT
- Thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật
- Bố cục: 2 phần
- + Hai câu đầu
- + Hai câu sau

II. Đọc tìm hiểu văn bản:

1. Hai câu thơ đầu

- ...*Tầu lộ nan*
- *Trùng san ... hựu trùng san*
(Hết lớp núi này lại tiếp đến lớp núi khác)
- > Điệp ngữ "trùng san";
- => Khó khăn liên tiếp của việc đi đường

*** Từ việc đi đường núi gian nan đã gợi ra những gian lao, vất vả của đường đời, con đường cách mạng**

2. Hai câu cuối

- ... *đăng đảo cao phong hậu*
- *Vạn lí dư đồ cố miện gian*
- > chuyển mạch thơ, người tù đã lên đến đỉnh núi, khó khăn đã kết thúc.
- Khó khăn không phải là bất tận, nếu quyết tâm, cố gắng thì sẽ vượt qua
- * *Vượt qua gian lao chồng chất sẽ tới thắng lợi vẻ vang***

III. Tổng kết

- * Ghi nhớ: SGK /40

CÂU CẢM THÁN

I. Đặc điểm hình thức và chức năng

1. Ví dụ / SGK tr 43,44

* Các câu in đậm:

a) Hồi ôi lão Hạc !

b) Than ôi !

- *Đặc điểm hình thức :*

+ Chứa các từ cảm thán: Hồi ời, than ôi.

+ Kết thúc bằng dấu chấm than

- *Chức năng:*

+ Câu 1: dùng để bộc lộ trực tiếp cảm xúc của ông giáo: đau xót, bất ngờ khi nghe tin lão Hạc làm việc xấu.

+ Câu 2: bộc lộ trực tiếp cảm xúc của con hổ: chán chường, nuối tiếc cuộc sống đẹp đẽ, tự do, tung hoành nơi rừng núi

-> Dùng để bộc lộ trực tiếp cảm xúc của người nói (người viết).

=> Các câu trên là câu cảm thán

2. Ghi nhớ- sgk/44

* Chú ý:

- Văn bản khoa học, văn bản hành chính công vụ không thích hợp với việc sử dụng những yếu tố ngôn ngữ bộc lộ rõ cảm xúc.

- Câu cảm thán xuất hiện chủ yếu trong ngôn ngữ nói hàng ngày, ngôn ngữ văn chương.

II. Luyện tập

1. Bài tập 1

- Những câu cảm thán:

a.

Than ôi!

Lo thay!

Nguy thay!

b. Hồi cảnh... ơi!

c. Chao ôi ... thôi.

- Các câu trên là câu cảm thán vì: có chứa các từ cảm thán; dùng để bộc lộ trực tiếp cảm xúc của người nói, người viết

-> Không phải câu nào kết thúc bằng dấu chấm than cũng là câu cảm thán

Câu cảm thán còn có thể kết thúc bằng dấu chấm

2. Bài tập 2

- Tình cảm được thể hiện:

- a) Lời than thở của người nông dân dưới chế độ phong kiến.
- b) Lời than thở của người chinh phụ trước nỗi chuân chuyên do chiến tranh gây ra.
- c) Tâm trạng bế tắc của nhà thơ trước CM T8
- d) Sự hối hận của Đế mền trước cái chết thảm thương, oan ức của Đế choắt.

- Tất cả các câu trên không phải là câu cảm thán vì không có từ ngữ cảm thán

→ *Không phải tất cả các câu dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc đều là câu cảm thán*

3. HS tự thực hiện BT 3,4/45

CÂU TRẦN THUẬT

I. Đặc điểm hình thức và chức năng

1. Xét ví dụ/ 45,46

- *Đặc điểm hình thức.*

+ Tất cả các câu(trừ câu “Ôi Tào Khê!”) đều không có đặc điểm hình thức của câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán

+ Kết thúc

. Câu a1, a3, c1, c2: kết thúc bằng dấu chấm

. Câu b1:dấu hai chấm

. Câu a2: dấu chấm lửng

. Câu b2, d1, d2: dấu chấm than

- *Chức năng :*

+ a: . Câu 1,2: trình bày

. Câu 3: Yêu cầu

+ b: . câu 1: dùng để kể

. câu 2: thông báo

+ c: miêu tả

+ d: . câu 2: nhận định

. câu 3: bộc lộ tình cảm, cảm xúc

=> Những câu trên là câu trần thuật

* Ghi nhớ ý 1,2

- Câu trần thuật được sử dụng phổ biến nhất trong giao tiếp vì ngoài chức năng riêng, câu trần thuật còn có thể thực hiện các chức năng của các kiểu câu còn lại.

* Ghi nhớ ý 3

2. Ghi nhớ- sgk

II. Luyện tập

Bài tập 1

a) Cả 3 câu đều là câu trần thuật:

+ câu 1 - kể

+ câu 2,3 - bộc lộ tình cảm, cảm xúc

b) Câu 1: câu trần thuật để kể

+ câu 2: câu cảm thán (có từ "quá") dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc

+ câu 4,3: câu trần thuật bộc lộ tình cảm, cảm xúc (lời cảm ơn)

2. Bài tập 2

- Nguyên tác: "Đôi thử lương tiêu nại nhược hà ?"- Trước cảnh đẹp đêm nay biết làm thế nào ? câu nghi vấn

- Câu ở phần dịch thơ: câu trần thuật

chung ý nghĩa: đêm trăng đẹp gây sự xúc động mãnh liệt cho nhà thơ, khiến nhà thơ muốn làm được điều gì đó.

3. Bài tập 3

a) Câu cầu khiến

b) Câu nghi vấn

c) Câu trần thuật

cả 3 câu đều dùng để cầu khiến . Chức năng giống nhau nhưng câu b, c thể hiện ý cầu khiến (đề nghị) nhẹ nhàng, nhã nhặn, lịch sự hơn câu a.

Bài 4,5,6: Các em tự thực hiện nhé!

CHIẾU DỜI ĐÔ

(Thiên đô chiếu)

Lí Công Uẩn

 Các em đọc văn bản và chú thích SGK trang 48,49,50

I. Đọc và tìm hiểu chú thích

1. Tác giả

- Lí Công Uẩn (974-1028)
- Quê Bắc Giang (nay là tỉnh Bắc Ninh)
- Là người sáng lập ra vương triều nhà Lí.

2. Tác phẩm

- Hoàn cảnh sáng tác: Năm 1010, khi Hoàn cảnh sáng tác: Năm 1010, khi Lí Công Uẩn (Lí Thái Tổ) có ý định dời đô ra thành Đại La.
- Thể loại: Chiếu
- Bố cục: 3 phần
- + Phần 1: Từ đầu... dời dời
- **Lí do phải dời đô**
- + Phần 2: Tiếp theo -> muôn đời
- **Các lợi thế của thành Đại La**
- + Phần 3: Còn lại
- **Bày tỏ ý định dời đô**

II/. Đọc-Tìm hiểu văn bản

1) Lí do dời đô

a. Dẫn ra việc dời đô của các vua bên Trung Quốc.

- Lịch sử có nhiều lần dời đô:
- + Nhà Thương 5 lần dời đô
- + Nhà Chu 3 lần dời đô.
- Mục đích: mưu toan nghiệp lớn, tính kế muôn đời cho con cháu; vâng mệnh trời, thuận ý dân
- Kết quả: vận nước lâu dài, phong tục phồn thịnh

(đất nước, triều đại bền lâu, phát triển thịnh vượng)

➤ Dẫn chứng cụ thể, xác thực, khách quan

→ Dời đô là 1 việc bình thường, hợp quy luật, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân, đem lại kết quả tốt đẹp.

*** Tác giả: muốn noi gương người xưa để đưa đất nước phát triển hùng mạnh, lâu dài**

b. Phê phán hai nhà Đinh- Lê không chịu dời đô

- Hai nhà Đinh, Lê: theo ý riêng...cứ đóng yên đô thành

(vì thế mà lực chưa đủ mạnh để ra nơi đồng bằng, đất phẳng, nơi trung tâm của đất nước mà vẫn còn phải dựa vào địa thế núi rừng hiểm trở.)

- Kết quả: triều đại không bền, trăm họ hao tổn, muôn vật không thích nghi

➤ Kết hợp lí và tình

→ Việc đóng đô ở Hoa Lư của hai nhà Đinh -Lê là hạn chế, không còn phù hợp

*** Dời đô là việc làm cần thiết**

2) Các lợi thế của thành Đại La

+ Kinh đô cũ

+ Vị trí: trung tâm trời đất... dựa núi

+ Địa hình: đất rộng mà bằng, cao mà thoáng, tránh được lụt lội, ...

+ Về chính trị, văn hoá: là đầu mối giao lưu; chốn tụ hội của 4 phương, là mảnh đất hưng thịnh

➤ Kết hợp giữa lí lẽ và cảm xúc; Luận cứ phong phú, được phân tích trên nhiều mặt

→ Đại La là nơi tốt nhất để định đô

3. Bày tỏ ý định dời đô

- Trẫm... thấy thế nào

➤ Câu nghi vấn; kết thúc mang tính chất đối thoại, trao đổi; tạo sự đồng cảm giữa vua và dân

→Cần dời đô từ Hoa Lư về Đại La

III. Tổng kết

* Ghi nhớ/51